

Số: **598** /QĐ-VWTC

Quảng Ninh, ngày **03** tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công bố thông tin
của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY – VINACOMIN

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết ban hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN đã được các cổ đông thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 03/11/2025 của Hội đồng quản trị về thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty trên thị trường Chứng khoán;

Xét đề nghị của Giám đốc công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này về Quy chế công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN (có nội dung Quy chế kèm theo).

Điều 2. Quyết định này được áp dụng kể từ ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Cty;
- Giám đốc, Phó GD;
- Các phòng ban Cty;
- Các đoàn phương tiện của Cty;
- Lưu Thư ký HĐQT, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Trung Ủy



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN**

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY – VINACOMIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HĐQT ngày 03 tháng 11 năm 2025)

CĂN CỨ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17 tháng 6 năm 2020 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (gọi tắt là “Nghị định số 155/2020/NĐ- CP”);
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (gọi tắt là “Thông tư số 96/2020/TT-BTC”);
- Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con được ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (gọi tắt là “Quy chế công bố thông tin”);
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin,

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin. 

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và những người có liên quan của Công ty giúp các Nhà đầu tư, đối tác nắm được thực trạng của Công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét, thiết lập, các quan hệ kinh tế, giao dịch với Công ty; đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty là Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.
2. Nhà đầu tư thuộc các đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.
 - b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết Công ty.
 - c. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết Công ty.
3. Người nội bộ của Công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
4. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- đ) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- e) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- f) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - g) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - h) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan trong nước hoặc nước ngoài sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - i) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - j) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;

5. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Người công bố thông tin hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin (CBTT) phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, thì phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố.

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Người công bố thông tin hoặc Người được ủy quyền CBTT phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân,

Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

3. Thông tin của Công ty được báo cáo, công bố thông tin bằng tiếng Việt có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:

- a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
- b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật thực hiện công bố thông tin hoặc là Người được Giám đốc Công ty ủy quyền thực hiện công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

a) Giám đốc Công ty, người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

b) Công ty phải báo cáo thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính.

c) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức khác hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử hoặc phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

CHƯƠNG II NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1 CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo Tài chính:

a) Báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán độc lập chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Công ty đại chúng phải công bố thông tin báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính hoặc có ý kiến ngoại trừ.vv

- Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Công ty phải công bố báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Báo cáo tài chính bán niên:

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên (06 tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.

- Báo cáo tài chính bán niên phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo chuẩn mực kế toán. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp thuận toàn phần.

c) Báo cáo tài chính quý (Quý I, quý II, quý III và quý IV):

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

- Báo cáo tài chính quý phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

d) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại nội dung này,

Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động

kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

2. Báo cáo thường niên:

a) Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

a) Định kỳ 06 tháng và năm, Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

b) Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, nghị quyết phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường.

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.



b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f) Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Công ty), giải thể Công ty; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

k) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

l) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ, Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

m) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung;

n) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty nêu rõ thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

o) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

p) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

q) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

r) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp;

s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

x) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ)

y) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch trong các sự kiện sau đây:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ thực hiện công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về sở hữu người nước ngoài.

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu người nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải báo cáo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Mục 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 11. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, và Sở giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TTT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TTT-BTC.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2 % số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%), do vậy trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Công ty X, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TTT-BTC.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TTT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính

mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Công ty, khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc theo giá trị phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có đảm bảo) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định định tại Phụ lục VIII hoặc Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TTT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch chứng khoán trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đã đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TTT-BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TTT-BTC thì chỉ thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TTT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TTT-BTC.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty, người có liên quan của acsc đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp Công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) các nhân thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ và người có liên quan tại khoản 1,2, 3 Điều này. 

6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

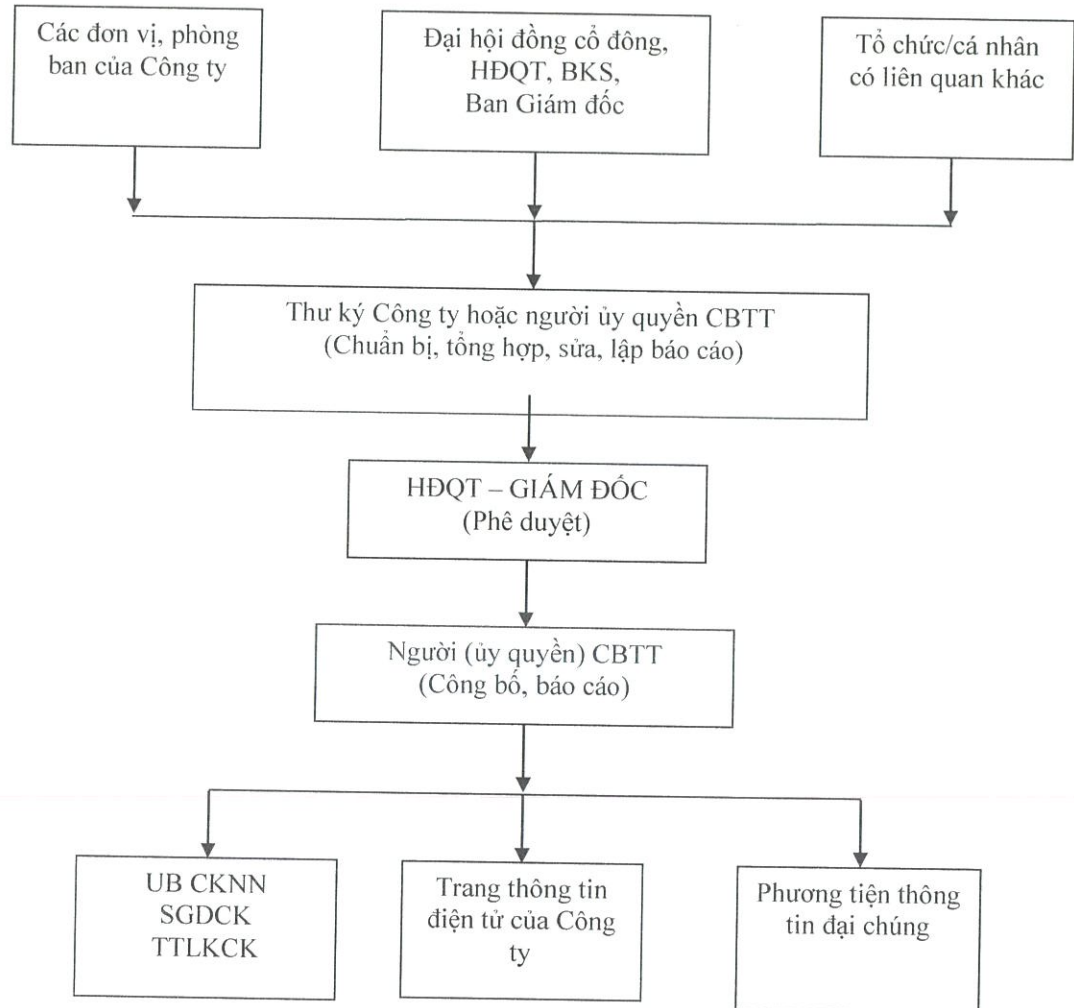
Handwritten signature

CHƯƠNG III

QUY TRÌNH XỬ LÝ, CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN

Điều 14. Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Công ty

Quy trình công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo sơ đồ sau:



Điều 15. Chuẩn bị công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Công ty.

2. Vào thời điểm kết thúc quý, năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định tại Mục 1 – Chương II Quy chế này, Người được ủy quyền công bố thông tin thông báo tới các phòng ban chuyên môn và các tổ chức, cá nhân có liên quan về nội dung thông tin sẽ được công bố và thời gian công bố.

3. Các phòng, ban chuyên môn và tổ chức, cá nhân liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Người được ủy quyền công bố thông tin chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước thời hạn mà Công ty phải công bố (các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

4. Thông tin của các tổ chức/cá nhân có liên quan phải được lập thành văn bản theo đúng mẫu (nếu có) và có ký xác nhận nội dung của thông tin. Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin chuyển cho Người được ủy quyền công bố thông tin.

Điều 16. Xử lý thông tin

1. Khi nhận được thông tin do các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, Người được ủy quyền công bố thông tin phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin và soạn theo văn bản công bố thông tin theo mẫu (nếu có) trình HĐQT hoặc Giám đốc Công ty phê duyệt theo thẩm quyền.

2. Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Điều 17. Phê duyệt thông tin

1. Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có thẩm quyền phê duyệt toàn bộ thông tin được công bố.

2. Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày Công ty phải công bố thông tin theo quy định (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Điều 18. Công bố thông tin

1. Người công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin đã được phê duyệt bằng cách gửi văn bản công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCCK theo quy định.

2. Đồng thời với việc công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, người công bố thông tin phải đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, quy chế này và phải chịu trách nhiệm về nội dung đăng tải.

Điều 19. Lập hồ sơ lưu trữ thông tin

1. Các tổ chức/cá nhân có liên quan khi cung cấp thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.

2. Bộ phận đầu mỗi chuẩn bị công bố thông tin, người công bố thông tin phải lập hồ sơ cho từng thông tin được công bố kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã được công bố để lưu trữ theo quy định của pháp luật và các quy chế của Công ty.

Điều 20. Tạm hoãn và bảo lưu chưa công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin. Người thực hiện công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCCK ngay khi xảy ra trường hợp bất khả kháng hoặc trước thời hạn công bố thông tin để đề nghị



UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn, bảo lưu việc công bố và phải thực hiện việc công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

2. Việc tạm hoãn và bảo lưu công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố thông tin trên công thông tin điện tử của Công ty. Và UBCKNN, Sở GD&ĐT trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

Điều 21. Cải chính thông tin

1. Công ty có trách nhiệm cải chính thông tin do Người công bố thông tin đã công bố hoặc yêu cầu bất kỳ tổ chức, cá nhân nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng hoặc sai lệch về Công ty cải chính thông tin.

2. Việc cải chính thông tin của Công ty được thực hiện theo quy trình tại Điều 14 Quy chế này.

3. Người công bố thông tin của Công ty là người có quyền yêu cầu các đối tượng khác cải chính thông tin về Công ty.

Điều 22. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Công ty.

Trong vòng 01 năm kể từ ngày nếu Công ty không còn là Công ty quy mô lớn theo danh sách do Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán công bố, Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như Công ty quy mô lớn theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Chương IV XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Xử lý vi phạm

Người nào không cung cấp sự kiện phát sinh cho người được ủy quyền CBTT hoặc cung cấp chậm hoặc người được ủy quyền CBTT vi phạm pháp luật về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xử lý theo pháp luật hoặc Nội quy lao động của Công ty.

Chương V HIỆU LỰC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Thư ký Công ty, Người ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này, thì thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.



3. Trường hợp pháp luật thay đổi có nội dung khác với Quy chế này, thì những quy định mới của pháp luật đương nhiên được áp dụng.

Điều 25. Hiệu lực thi hành.

1. Quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin bao gồm 5 chương và 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định này.

2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và các cổ đông gửi ý kiến bằng văn bản về Thư ký Công ty để báo cáo HĐQT xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nhưng đảm bảo nguyên tắc không trái pháp luật và Điều lệ Công ty./. *h*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *h*

CHỦ TỊCH *Phúc*



Trịnh Trung Úy
Trịnh Trung Úy

PHỤ LỤC I

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Stt	Nội dung chính công bố thông tin	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
2	Báo cáo tài chính bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	Báo cáo tài chính công bố bao gồm: báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp
3	Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	

4	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
5	Báo cáo tình hình quản trị Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
6	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6.	Chậm nhất là ngày 30/7	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)	Theo mẫu quy định tại Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ¹
7	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng cuối năm và được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12	Chậm nhất là ngày 30/01	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)	Theo mẫu quy định tại Quyết định số 606/QĐ-SGDHN
8	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên			

đ

8.1	Công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu họp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	
8.2	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	

9

PHỤ LỤC II

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Ghi chú:

1. Thông tin được công bố tại:
- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.
2. Thông tin dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
3. Khi công bố thông tin về các sự kiện dưới đây, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Stt	Nội dung chính Công bố thông tin
1	Giải trình Báo cáo tài chính của Công ty
2	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này
3	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động
4	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu

4

7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty
8	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó

đ

17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty
18	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ
19	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất)
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)
22	Các trường hợp khác được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC



PHỤ LỤC III

CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

I. Công bố thông tin theo yêu cầu

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
2	Khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	

II. Công bố thông tin về các hoạt động khác

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Công bố thông tin Báo cáo tài chính khi Công ty thay đổi kỳ	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;	Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế

8

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
	kế toán	cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp
2	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.		
3	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.	
4	Công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền			

✓

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
	cho cổ đông hiện hữu			
4.1	Công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (ngoại trừ điểm 4.2 dưới đây)	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.	
4.2	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.	

đ

PHỤ LỤC IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Tổ chức, cá nhân công bố thông tin và báo cáo khi trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	- Quy định 1, 2, 3 không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty phát hành thêm cổ phiếu. - Quy định 1, 2, 3 theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
2	Tổ chức, cá nhân công bố thông tin và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	

đ

Sst	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
3	Cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty công bố thông tin và báo cáo khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	

2. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Sst	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

4

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/dăng tải	Ghi chú
	trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)			
2	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo sau khi hoàn tất giao dịch hoặc hết thời hạn dự kiến giao dịch (30 ngày). Trường hợp hết thời hạn dự kiến giao dịch nhưng chưa giao dịch hết khối lượng đăng ký thì người nội bộ/ người có liên quan của người nội bộ phải giải trình nguyên nhân.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

đ